

Số: 63 /NQ-HĐND

Thành phố Lai Châu, ngày 12 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

V/v điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị,
UBND các xã, phường để thực hiện các chế độ, chính sách
và nhiệm vụ phát sinh năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU
KHOÁ IV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố Lai Châu khóa IV, kỳ họp thứ tư về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2667/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022;

leahg

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 25/2/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc chuyển nguồn ngân sách năm 2021 sang năm 2022.

Xét Tờ trình số 2936/TTr-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán và UBND các xã, phường để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 101/BC-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Ban kinh tế - xã hội HĐND thành phố và ý kiến của Đại biểu HĐND thành phố Lai Châu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán và UBND các xã, phường để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2022, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh dự toán kinh phí năm 2022

Thực hiện Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc giao biên chế công chức, hợp đồng lao động theo Nghị quyết số 68/2000/NQ-CP trong các cơ quan hành chính và biên chế trong tổ chức hội có tính chất đặc thù thành phố Lai Châu năm 2022, theo đó, Văn phòng HĐND-UBND giảm 01 biên chế từ 01/01/2022, phòng Lao động -Thương binh và Xã hội giảm 01 biên chế từ 01/7/2022. Do đó, điều chỉnh giảm kinh phí 02 cơ quan, đơn vị về ngân sách thành phố, số tiền 105 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục I)

2. Phân bổ, bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị năm 2022

2.1. Phân bổ chi tiết nguồn kinh phí chưa phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh năm 2022: 1.801 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn cân đối ngân sách thành phố năm 2022: 1.793 triệu đồng.
- + Phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách về tiền lương và kinh phí trợ cấp thôi việc: 677 triệu đồng
- + Phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ phát sinh năm 2022: 1.116 triệu đồng
- Phân bổ kinh phí cho phòng Kinh tế thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND: 8 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục II)

- Bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị từ nguồn ngân sách thành phố năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022 để thực hiện các chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2022: 31 triệu đồng, cụ thể: Bổ sung kinh phí thực hiện

leung

chế độ trợ cấp thôi việc đối với chức danh Chủ tịch, phó chủ tịch Hội cựu chiến binh các xã, phường từ nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022: 31 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục III)

2.2. Bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách thành phố năm 2022: 4.021 triệu đồng. Trong đó:

- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 quy định chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Lai Châu được tặng Huy hiệu Đảng từ 40 năm tuổi đảng trở lên: 31 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học cho học sinh lớp 3 năm học 2022-2023: 700 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí do chia tách, thành lập 02 tổ dân phố mới theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh: 86 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin "*Xây dựng Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ cơ quan và số hóa tài liệu lưu trữ tại Văn phòng HĐND-UBND thành phố Lai Châu*": 706 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu: 930 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện các chính sách lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 673 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện các chính sách lĩnh vực đảm bảo và an sinh xã hội; 690 triệu đồng.

- Kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: 180 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện mức hỗ trợ hàng tháng tăng thêm của các đối tượng hưu trí xã theo Thông tư số 02/2022/TT-BNV: 25 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục IV)

Tổng kinh phí bổ sung: 5.853 triệu đồng

(Bằng chữ: Năm tỷ, tám trăm năm mươi ba triệu đồng chẵn)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao

1. Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, tổ đại biểu HĐND và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

leap

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu khoá IV kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua ./.

lealry

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND Tỉnh; (b/c)
- TT. Thành uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ thành phố;
- Các Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- TT. HĐND-UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Giàng Thị Xoa

Giàng Thị Xoa

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 63 /NQ-HĐND ngày 12/11/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	KP giao theo QĐ 2667/QĐ-UBND	Kinh phí điều chỉnh		KP sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
	TỔNG CỘNG	2.971	105	105	2.971	
1	Phòng Lao động - TB&XH	832	35	-	797	Giảm 01 biên chế từ 01/07/2022
	+ <i>Quỹ lương</i>	700	30		670	
	+ <i>Phụ cấp công vụ</i>	132	5		127	
2	Văn phòng HĐND - UBND	2.139	70	-	2.069	Giảm 01 biên chế từ 01/01/2022
	+ <i>Quỹ lương</i>	1.805	60		1.745	
	+ <i>Phụ cấp công vụ</i>	334	10		324	
3	Ngân sách thành phố			105	105	



BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN KINH PHÍ CHỨA PHÂN BỐ CHI TIẾT
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 43/NQ-HĐND NGÀY 17/12/2021 CỦA HĐND THÀNH PHỐ LAI CHÂU
(Kèm theo Nghị quyết số 63 /NQ-HĐND ngày 12/11/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số kinh phí bổ sung	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	1.801	
I	Nguồn cân đối ngân sách thành phố năm 2022	1.793	
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	250	
	+ <i>Quỹ lương</i>	142	
	+ <i>Phụ cấp công vụ</i>	35	
	+ <i>Chi hành chính</i>	24	
	+ <i>Kinh phí trợ cấp thôi việc đối với công chức (Nguyễn Thị Hồng)</i>	49	
2	Phòng Quản lý đô thị	432	
	+ <i>Quỹ lương</i>	26	
	+ <i>Chi hành chính</i>	6	
	+ <i>Kinh phí xây dựng "Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Lai Châu"</i>	400	
3	Hội Cựu chiến binh thành phố	18	
	+ <i>Quỹ lương</i>	14	
	+ <i>Phụ cấp công vụ</i>	2	
	+ <i>Phụ cấp đoàn thể</i>	2	
4	Đội quản lý trật tự đô thị	36	
	+ <i>Quỹ lương</i>	31	
	+ <i>Chi hành chính</i>	5	
5	Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông	95	
	+ <i>Kinh phí chi trả nhuận bút trang thông tin điện tử thành phố</i>	35	
	+ <i>Kinh phí tổ chức Ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc thành phố Lai Châu lần thứ IV năm 2022</i>	60	

leafy

STT	Nội dung	Số kinh phí bổ sung	Ghi chú
6	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	80	
	+ <i>Quỹ lương</i>	80	
7	Phòng Kinh tế	32	
	+ <i>Quỹ lương</i>	11	
	+ <i>Phụ cấp công vụ</i>	3	
	+ <i>Kinh phí định giá sản phẩm hàng hóa nông nghiệp thực hiện Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND</i>	18	
8	Phòng Lao động - TB&XH	35	
	+ <i>Kinh phí trợ cấp thôi việc đối với công chức (Phan Thị Thao)</i>	35	
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	34	
	+ <i>Kinh phí trợ cấp thôi việc đối với công chức (Nguyễn Anh Đức)</i>	34	
10	Hội Liên hiệp phụ nữ	45	
	+ <i>Kinh phí tổ chức ra quân phát động phong trào "Gốc cây nở hoa"; Bổ sung kinh phí tổ chức đoàn tham gia hội thao cấp tỉnh theo Kế hoạch của Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Lai Châu</i>	45	
11	Ban Chỉ huy Quân sự thành phố	201	
	+ <i>Kinh phí đảm bảo diễn tập khu vực phòng thủ</i>	201	
12	Văn phòng HĐND-UBND	240	
	+ <i>Kinh phí lắp đặt 02 màn hình led tại Trung tâm Hội nghị thành phố phục vụ công tác quán triệt, học tập và triển khai thực hiện các hội nghị trực tuyến</i>	240	
13	Văn phòng Thành ủy	56	
	+ <i>Quỹ lương</i>	38	
	+ <i>Phụ cấp công vụ</i>	8	
	+ <i>Phụ cấp công tác đảng</i>	10	
14	Thanh tra thành phố	27	
	+ <i>Quỹ lương</i>	25	
	+ <i>Phụ cấp công vụ</i>	2	
15	Phòng Văn hóa và Thông tin	5	
	+ <i>Quỹ lương</i>	4	
	+ <i>Phụ cấp công vụ</i>	1	

leang

STT	Nội dung	Số kinh phí bổ sung	Ghi chú
16	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	17	
	+ Kinh phí tổng kết 20 năm ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc, tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2022	17	
17	UBND phường Quyết Tiến	50	
	+ Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Đảng bộ phường Quyết Tiến	50	
18	UBND phường Đông Phong	94	
	+ Quỹ lương	12	
	+ Phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP	32	
	+ Kinh phí tổ chức kỷ niệm 10 năm thành lập phường	50	
19	UBND phường Tân Phong	33	
	+ Quỹ lương	25	
	+ Phụ cấp công vụ	8	
20	UBND phường Đoàn Kết	13	
	+ Phụ cấp thâm niên theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP	13	
II	Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp năm 2022	8	
1	Phòng Kinh tế	8	
	Hỗ trợ giống sản xuất nông nghiệp	8	

leahg

**BIỂU CHI TIẾT BỔ SUNG KINH PHÍ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
NĂM 2021 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 63 /NQ-HĐND ngày 12/11 /2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kinh phí	Số kinh phí NS thành phố bổ sung	Sử dụng nguồn CCTL còn dư tại đơn vị	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	75	31	44	
I	Nguồn Cải cách tiền lương năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	75,0	31	44	
1	UBND xã San Thàng	32,0	31	1	
	<i>Chế độ trợ cấp thôi việc đối với chức danh chủ tịch, phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh</i>	32,0	31	1,0	
2	UBND phường Đông Phong	7,9	-	7,9	
	<i>Chế độ trợ cấp thôi việc đối với chức danh chủ tịch, phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh</i>	7,9	0	7,9	
3	UBND phường Tân Phong	25,6	-	25,6	
	<i>Chế độ trợ cấp thôi việc đối với chức danh chủ tịch, phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh</i>	25,6	0	25,6	
4	UBND phường Đoàn Kết	9,5	-	9,5	
	<i>Chế độ trợ cấp thôi việc đối với chức danh chủ tịch, phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh</i>	9,5	0	9,5	

leatg

BIỂU CHI TIẾT BỔ SUNG KINH PHÍ
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 12/11/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	4.021	
I	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 quy định chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Lai Châu được tặng Huy hiệu Đảng từ 40 năm tuổi đảng trở lên	31	
1	UBND xã Sùng Phài	6	
2	UBND phường Đông Phong	14	
3	UBND xã San Thàng	11	
II	Hỗ trợ kinh phí đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học cho học sinh lớp 3 năm học 2022-2023	700	
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	700	
III	Bổ sung kinh phí do chia tách, thành lập 02 tổ dân phố mới theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh	86	
1	UBND phường Đông Phong	86	
IV	Kinh phí thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin "Xây dựng Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ cơ quan và số hóa tài liệu lưu trữ tại Văn phòng HĐND-UBND thành phố Lai Châu"	706	
1	Văn phòng HĐND-UBND	706	
V	Kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	930	
1	Phòng Văn hóa và Thông tin	350	
	Tổ chức lớp truyền dạy kỹ thuật tạo hình trang phục dân tộc Giáy	150	
	Kinh phí Lập bản đồ quy hoạch tổng thể điểm du lịch, tỷ lệ bản đồ 1/2000 cho điểm du lịch: Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu	200	
2	UBND xã San Thàng	500	
	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở theo kiến trúc nhà ở truyền thống: Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu	160	01 nhà truyền thống
	Hỗ trợ xây mới nhà vệ sinh cho hộ gia đình kinh doanh dịch vụ lưu trú nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê: Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu	250	05 nhà vệ sinh
	Xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn đến điểm du lịch cộng đồng bản San Thàng	50	

leang

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Hỗ trợ các đội văn nghệ quần chúng	40	01 đội văn nghệ xã San Thành, 01 đội văn nghệ bản
3	UBND xã Sùng Phái	20	
	Hỗ trợ các đội văn nghệ quần chúng	20	01 đội văn nghệ bản
4	UBND phường Đoàn Kết	20	
	Hỗ trợ các đội văn nghệ quần chúng	20	01 đội văn nghệ tổ dân phố
5	UBND phường Quyết Thắng	20	
	Hỗ trợ các đội văn nghệ quần chúng	20	01 đội văn nghệ tổ dân phố
6	UBND phường Đông Phong	20	
	Hỗ trợ các đội văn nghệ quần chúng	20	01 đội văn nghệ tổ dân phố
VI	Kinh phí thực hiện các chính sách lĩnh vực giáo dục và đào tạo	673	
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	673	
	Chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	37	
	Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	596	
	Chính sách hỗ trợ học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên dân tộc ít người theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP	40	
VII	Kinh phí thực hiện các chính sách lĩnh vực đảm bảo và an sinh xã hội	690	
1	Phòng Lao động, thương binh & xã hội	690	
	Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP	300	
	Kinh phí mai táng phí;	300	
	Kinh phí cấp thẻ BHYT cho các đối tượng BTXH, người có công với cách mạng	29	
	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 28/QĐ-TTg	61	
VIII	Kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	180	
	UBND xã San Thành	23,1	
	UBND xã Sùng Phái	32	
	UBND phường Đoàn Kết	33	
	UBND phường Quyết Thắng	15	
	UBND phường Đông Phong	20	
	UBND phường Quyết Tiến	20	
	UBND phường Tân Phong	36,9	



lealyg

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
IX	Kinh phí thực hiện mức hỗ trợ hàng tháng tăng thêm của các đối tượng hưu trí xã theo Thông tư số 02/2022/TT-BNV	25	
	UBND xã San Thành	4,2	
	UBND phường Quyết Thắng	12,4	
	UBND phường Đông Phong	8,4	

leap